

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hương

2. Bà Dư Thị Út

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Lý Thê Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khương Thị Bé L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 217A/5, khóm C, phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 217A/5, khóm C, phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị L và anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Khương Thị Bé L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức đám cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng vài năm trở lại đây, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do anh N không chăm lo làm ăn, thường xuyên ra ngoài chơi bời, gây nợ nần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Cách đây khoảng 02 năm chị L có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Tuy nhiên, sau khi nộp đơn thì anh N hứa hẹn sửa đổi nên chị L đã rút đơn lại khi Tòa án chưa thụ lý vụ án. Anh chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nhưng vẫn ở chung nhà. Nay xét thấy gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh N có một con chung tên Phạm Ngọc L1, sinh ngày 02/01/2013. Hiện nay cháu L1 đang sống cùng anh chị tại địa chỉ số 217A/5, khóm C, phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, anh chị không tạo lập được tài sản chung gì, không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Phạm Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Khương Thị Bé L với anh Phạm Văn N, cho chị L ly hôn với anh N. Về con chung giao cháu Phạm Ngọc L1, sinh ngày 02/01/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh N không phải cấp dưỡng cho cháu L1 do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Khương Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Chị Khương Thị Bé L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn N. Anh Năng có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Khương Thị Bé L và anh Phạm Văn N tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 15/3/2011 là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L xác định: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng vài năm trở lại đây, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không chăm lo làm ăn, không có công việc ổn định, thường xuyên ra ngoài chơi bời, gây nợ nần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Cách đây khoảng 02 năm chị L có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Tuy nhiên, sau khi nộp đơn thì anh N hứa hẹn sửa đổi nên chị L đã rút đơn lại khi Tòa án chưa thụ lý vụ án nhưng sau đó anh N vẫn không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Anh chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nhưng vẫn ở chung nhà. Nay xét thấy gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh N không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng, không hàn gắn được rạn nứt trong quan hệ hôn nhân nên chị L xin ly hôn với anh N. Về phía anh N, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần để hòa giải và làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời anh N cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án. Điều này cho thấy anh N không có thiện chí hòa giải, không có nguyện vọng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, xét thấy chị L và anh N sống ly thân hơn sáu tháng mà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không thể sống chung lại với nhau được, quá trình làm việc tại Tòa án, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn vì xác định không còn tình cảm với anh N. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh N.

[2] Về con chung: Chị L và anh N có một con chung tên Phạm Ngọc L1, sinh ngày 02/01/2013. Hiện nay cháu L1 đang sống chung với chị L và anh N, chị L yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Anh N không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao

cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh N không phải cấp dưỡng cho cháu L1 do chị L không yêu cầu. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định chị và anh N chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời anh N cũng không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Khương Thị Bé L với anh Phạm Văn N. Cho chị Khương Thị Bé L được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc L1, sinh ngày 02/01/2013 cho chị Khương Thị Bé L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Linh đang sống cùng chị L nên chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng cho cháu Phạm Ngọc L1 do chị Khương Thị Bé L không yêu cầu.

Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Phạm Ngọc L1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Khương Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006355 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Trần Minh Tân